

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: **Gói thầu MS-01: Mua sắm nhập khẩu vật tư kỹ thuật xe chuyên dùng.**

- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư kỹ thuật xe-máy năm 2026.

- Chủ đầu tư: Cục Xe máy - Vận tải, Số 5 - Đường Nguyễn Tri Phương - Phường Ba Đình - TP Hà Nội.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.2.1 Yêu cầu kỹ thuật chung**

- Hàng hoá cung cấp đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất không trước năm 2025, có nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu rõ ràng, hợp pháp.

- Nhà thầu lập bảng so sánh thông số kỹ thuật giữa hàng hóa mà nhà thầu chào và yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa.

- Nhà thầu chào hàng hoá có catalogue hoặc bảng kê thông số kỹ thuật của từng danh mục hàng hóa do nhà sản xuất phát hành với đầy đủ ký mã hiệu hoặc thông số kỹ thuật được xác nhận của nhà sản xuất/đại lý của nhà sản xuất (*nếu là xác nhận của đại lý, cần đính kèm hợp đồng đại lý với nhà sản xuất hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương*); hoặc cung cấp địa chỉ truy cập của từng danh mục hàng hóa trên trang web của nhà sản xuất để minh chứng cho các thông số kỹ thuật hoặc ký mã hiệu của từng danh mục mà nhà thầu chào. Trường hợp không có tài liệu chứng minh đầy đủ các thông số kỹ thuật hoặc ký mã hiệu của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết (mục 1.2.3 dưới đây), sẽ coi như hàng hóa không có cơ sở để đánh giá các thông số kỹ thuật và đánh giá không đạt (*Nếu tài liệu là tiếng nước ngoài, phải dịch ra tiếng Việt*).

##### **1.2.2 Chỉ dẫn về chào giá**

- Giá trị hàng hóa là giá CIF Cảng Việt Nam (không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế VAT).

- Các chi phí cho những dịch vụ liên quan thực hiện trong nước để thực hiện hợp đồng (như chi phí tiếp nhận; bảo hiểm, vận chuyển nội địa, thanh toán, lợi nhuận,...) đã bao gồm đầy đủ các loại thuế theo quy định.

*(Lý do: Hàng hóa được Cục Hải quan/Bộ Tài chính xét miễn Thuế nhập khẩu và Thuế VAT theo quy định về hàng hóa nhập khẩu phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng khi Bộ Quốc phòng - chi tiết tại Khoản 22, Điều 16, Luật Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; Khoản 18, Điều 5, Luật Thuế giá trị gia tăng.*

*Bộ Quốc phòng sẽ cấp giấy phép và giấy xác nhận phục vụ nhiệm vụ quốc phòng cho hàng hóa thuộc gói thầu này (làm cơ sở để đề nghị giải quyết miễn thuế); đồng thời có văn bản đề nghị Cục Hải quan đề nghị giải quyết miễn thuế theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.*

*Trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải quyết miễn thuế với Cục Hải quan do*

nhà thầu - Bên cung cấp hàng hóa đảm nhiệm).

### 1.2.3 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

Ký mã hiệu (kiểu), các thông số kỹ thuật của hàng hóa trong cột yêu cầu kỹ thuật của bảng dưới đây là cơ sở để nhà thầu tra cứu chào hàng; nhà thầu có thể chào hàng những danh mục hàng hóa có ký mã hiệu khác nhưng tính năng và thông số kỹ thuật tương đương đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo tính lặp lần đối với từng danh mục hàng hóa. Các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và ký mã hiệu hàng hóa được nêu tại bảng dưới đây:

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Lốp, săm, yếm 10.00-20 (≥16 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 16 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 110 km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 3000 kg.
2	Lốp, săm, yếm 11.00-20 (≥16 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 16 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 110 km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 3.350 kg.
3	Lốp, săm, yếm 12.00-20 (≥18 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 18 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 110 km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 3750 kg.
4	Lốp, săm, yếm 12.00-20 (8 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 8 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 80km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 2.200 kg; Kiểu van GK-135, GK-145 hoặc tương đương các thông số về kích thước; Kiểu vân lốp (hoa lốp): Việt dã hoặc địa hình gồ gề xấu.
5	Lốp, săm, yếm 14.00-20 (12-14 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 12 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 85km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 3.100 kg; Kiểu van RK-5A-145 hoặc tương đương các thông số về kích thước; Kiểu vân lốp (hoa lốp): Việt dã hoặc địa hình gồ gề xấu.
6	Lốp, săm, yếm 1300x530-533	Số lớp bố ≥ 12 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 80km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 4.000 kg; Kiểu van RK-5-145 hoặc tương đương các thông số về kích thước; Kiểu vân lốp (hoa lốp): Việt dã hoặc địa hình gồ gề xấu.
7	Lốp 12R22.5 (16 lớp bố)	Số lớp bố ≥ 16 lớp bố; Tốc độ lớn nhất ≥ 120km/h; Tải trọng lớn nhất ≥ 3.550 kg.

<b>TT</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>
8	Bộ van hơi điều khiển phanh rơ mooc (lắp cho xe Kamaz-43119/4326)	Có danh điểm 100-3522110 hoặc tương đương.
9	Đồng hồ hiển thị trung tâm (lắp cho xe Kamaz-43253)	Có danh điểm 281.3801 hoặc 4573812965 hoặc tương đương.
10	Đồng hồ hiển thị trung tâm (lắp cho xe Kamaz-43266)	Có danh điểm 69.3801-01 hoặc tương đương.
11	Cụm đèn hậu (lắp cho xe Kamaz-43253/43266)	Có danh điểm ФП133АБ hoặc tương đương.
12	Cảm biến tốc độ (lắp cho xe Kamaz-43253/43266)	Có danh điểm 4402.3843010 hoặc tương đương

**Chú ý:** Từng chủng loại hàng hóa được cho là Đạt yêu cầu khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật tương ứng trên, nếu không đáp ứng 1 trong các yêu cầu kỹ thuật đó được coi là không đạt.

### **1.3. Các yêu cầu khác**

#### **1.3.1. Cam kết đáp ứng yêu cầu về bảo hành**

- Thời gian bảo hành: 12 tháng trở lên kể từ ngày hàng hóa nghiệm thu, nhập kho bên mua.

- Địa điểm bảo hành: Trên toàn quốc.

#### **1.3.2. Cam kết đáp ứng về thời gian và địa điểm giao hàng**

- Giao hàng từng phần: Cho phép nhưng không quá 03 lần.

- Thời hạn giao hàng: 180 ngày.

- Địa điểm giao hàng: Kho Cục Xe máy - Vận tải khu vực Hà Nội.

#### **1.3.3. Cam kết đáp ứng yêu cầu về điều khoản phạt**

- Phạt giao hàng chậm: Hàng hóa phải giao đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng, trường hợp Bên Bán giao hàng chậm so với thời gian quy định (trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên Bán sẽ bị phạt một khoản tiền tương đương 01% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm, song tổng giá trị phạt không quá 05% tổng giá trị hợp đồng. Nếu quá 05 tuần Bên Bán mới giao đủ hàng thì Bên Mua có quyền từ chối không nhận lô hàng, đồng thời hủy bỏ hợp đồng, mọi chi phí liên quan đến lô hàng do Bên Bán chịu và không được nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Phạt do hủy bỏ hợp đồng: Nếu từ chối không thực hiện hợp đồng thì Bên Bán chịu phạt toàn bộ số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Nếu Bên Mua chậm thanh toán sau 20 ngày kể từ khi hai Bên ký biên bản nghiệm thu, sẽ chịu phạt 01% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm, song không quá 05% tổng giá trị hợp đồng.

### **1.3.4. Cam kết cung cấp đầy đủ các Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá**

Nhà thầu có bản Cam kết sau khi ký hợp đồng, khi có đủ các tài liệu sẽ cung cấp đầy đủ cho chủ đầu tư để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, bao gồm các tài liệu như sau:

- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của Hoá đơn thương mại hợp lệ (Invoice);
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của Bảng kê danh mục hàng hoá (Packing list);
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) của hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) của hàng hóa do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản gốc hoặc bản chụp hoặc đường linh tra cứu vận đơn vận chuyển hàng hóa về cảng của Việt Nam;
- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu và các tài liệu có liên quan

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Nội dung kiểm tra, nghiệm thu và thử nghiệm hàng hóa:

1. Kiểm tra, nghiệm thu và thử nghiệm hàng hóa được tiến hành khi nhà thầu chuyển hàng hóa đến bàn giao cho Bên mua. Hàng hóa khi kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu mới được nhập kho, bàn giao và thực hiện tiếp các thủ tục thanh toán.

2. Các nội dung và cách thức tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, thử nghiệm:

- Kiểm tra toàn bộ 100% hồ sơ pháp lý, tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa. Kiểm tra trực tiếp, đối chiếu các thông tin ghi trên tài liệu và các điều kiện, yêu cầu theo quy định của hợp đồng. Đối với hồ sơ hàng hóa còn thiếu, không đảm bảo tính pháp lý đề nghị Nhà thầu cung cấp bổ sung, hoàn thiện trong thời gian từ 05 đến 10 ngày làm việc.

- Kiểm tra, nghiệm thu về số lượng, ký mã hiệu, danh điểm, chủng loại, đồng bộ, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, tính mới của hàng hóa. Nếu số lượng, đồng bộ hàng hóa không đủ, năm sản xuất không phù hợp thì yêu cầu Nhà thầu cung cấp bổ sung đầy đủ theo hợp đồng trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc.

- Lấy mẫu xác suất  $\leq 10\%$  số lượng từng chủng loại hàng hóa mua sắm (nhưng không ít hơn 01 đơn vị) để kiểm tra thông số kỹ thuật, thử nghiệm tính lắp lẫn, tương thích, khả năng hoạt động. Kiểm tra bằng trực quan; đo các thông số kích thước, kiểm tra ký hiệu trên tem, nhãn, ... Kiểm tra đánh giá thông qua hồ sơ, catalogue, tài liệu kỹ thuật. Trường hợp mẫu được lấy kiểm tra, thử nghiệm nếu có 1 mặt hàng có kết quả kiểm tra không phù hợp thì tiếp tục lấy mẫu kiểm tra với số lượng lũy tiến gấp đôi. Nếu kiểm tra lần hai vẫn có mặt hàng không đạt yêu cầu thì tiếp tục kiểm tra toàn bộ số lượng của mặt hàng đó. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo điều kiện, yêu cầu của hợp đồng thì yêu cầu Nhà thầu thực hiện thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian không quá 10 ngày.

3. Các chi phí phục vụ kiểm tra, nghiệm thu, thử nghiệm được tính trong giá của hợp đồng.

**Mục 4. Cam kết đáp ứng yêu cầu về về giám định hàng hóa**

- 100% hàng hoá phải được chủ đầu tư giám định, kiểm tra và nghiệm thu trước khi nhận hàng. Nội dung giám định, nghiệm thu: sẽ tiến hành kiểm tra, thử hoạt động trên thiết bị đo kiểm. Nếu kết quả kiểm tra không đạt các nội dung yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ chào thầu và hợp đồng ký kết sau này, Nhà thầu sẽ khắc phục theo nguyên tắc hàng đổi hàng (trong 05 ngày). Nếu không khắc phục được trong vòng 05 ngày sẽ thực hiện theo điều khoản phạt.

- Toàn bộ chi phí kiểm tra, giám định do bên bán đảm nhiệm.